TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 405/2025/QĐST-DS	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu tuyên bố một người là mất năng lực hành vi dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Nguyễn Đức Duy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Cẩm Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 1441/2024/TLST-VDS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người là mất năng lực hành vi dân sự" theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 207/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025.

- *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969
Địa chỉ: 8 L, phường X, Tp ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960
2/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962
Địa chỉ: Đ chấp hành án tại Đội 21, phân trại 2, trại giam C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long)
3/ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964
4/ Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1966
5/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967
6/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972
7/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974
Cùng địa chỉ: 7 P, phường Đ, TP ..
8/ Bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1977
Địa chỉ: 7 P, phường Đ, TP ..

(Các đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo nội dung đơn yêu cầu đề ngày 05/12/2024 và các lời khai tiếp sau đó, người yêu cầu bà Nguyễn Thị B trình bày:

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1939, mất năm 2014, và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1940, mất năm 2014. Cha mẹ bà có tất cả 09 người con gồm: có bà và các anh chị em gồm: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; Ông Nguyễn

Văn M, sinh năm 1962; Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964; Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1966; Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967; Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; Bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1977. Trong tất cả các anh chị em bà thì bà Nguyễn Ngọc E từ nhỏ có những biểu hiện không được bình thường, không đi học được và được địa phương cấp chi phí cho người khuyết tật hàng tháng. Qua khám của bác sĩ xác định: chậm phát triển tâm thần mức độ nặng. Đây thuộc về bệnh lý tâm thần mạn tính kéo dài với đối tượng người. Do đó, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1977 cư ngụ tại địa chỉ số G P, phường Đ, TP . mất năng lực hành vi dân sự. Mục đích để bổ sung hồ sơ thừa kế.

Tại các bản tự khai, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm: Ông Nguyễn Văn H; ông Nguyễn Văn S; Bà Nguyễn Thị M1; Ông Nguyễn Văn D; Ông Nguyễn Văn T; bà Nguyễn Thị N; Ông Nguyễn Văn M trình bày: các ông, bà xác nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị B về quan hệ nhân thân và tình trạng bệnh của bà Nguyễn Ngọc E. Các ông bà đều thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc đề nghị Tòa án xem xét, tuyên bố bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1977 là chị, em ruột của các ông bà là người mất năng lực hành vi dân sự.

Tại phiên họp, các đương sự đều vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến như trên.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 366, Điều 377 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành các thủ tục đúng theo quy định của Điều 369 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã làm bản tự khai, tham gia phiên họp đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ theo đơn yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự của bà Nguyễn Thị B và căn cứ theo kết luận Giám định Pháp y tâm thần số: 4439/KLGĐYC ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Trung tâm Pháp y tâm thần Thành phố H, kết luận bà Nguyễn Ngọc E: Về y học: Đương sự bị chậm phát triển tâm thần mức độ nặng (ICD10); về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, như vậy, có cơ sở xác định bà Nguyễn Ngọc E là người mất năng lực hành vi dân sự. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 48, Điều 67, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều 378, Điều 379 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị B, tuyên bố bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1977 là người mất năng lực hành vi dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/12/2024, bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1977 là em ruột của bà là người mất năng lực hành vi dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bị yêu cầu là bà Nguyễn Ngọc E, có nơi cư trú tại 7 P, phường Đ, TP ., do đó, việc dân sự thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, các đương sự vắng mặt và đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ lời khai nhận của các đương sự, bản sao giấy khai sinh, giấy chứng tử; bản sao hộ khẩu, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1939 (chết năm 2014) và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1940 (chết năm 2014) có 09 người con chung là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1966; ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; bà Nguyễn Ngọc E sinh năm 1977; ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962. Trong đó, bà Nguyễn Ngọc E đến nay còn độc thân, chưa có chồng con, bà E bị bệnh, không được bình thường từ nhỏ, được địa phương hỗ trợ hàng tháng dành cho người khuyết tật. Do đó, căn cứ Điều 22 Bộ luật dân sự, Điều 376 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị B là chị ruột của bà Nguyễn Ngọc E có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Ngọc E là người mất năng lực hành vi dân sự.

[2.2] Căn cứ đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với bà Nguyễn Ngọc E. Ngày 04/6/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tp. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với bà Nguyễn Ngọc E. Tại kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 4439/KLGĐ ngày 10/6/2025 của Trung tâm pháp y tâm thần - Khu vực Thành phố H kết luận như sau:

1.1 Về y học: Đương sự bị chậm phát triển tâm thần mức độ nặng (ICD10);

1.2 Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H; ông Nguyễn Văn S; bà Nguyễn Thị M1; ông Nguyễn Văn D; ông Nguyễn Văn T; bà Nguyễn Thị N; ông Nguyễn Văn M đều thống nhất với yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1977 là người mất năng lực hành vi dân sự.

Do đó, căn cứ Điều 22 Bộ luật dân sự; Điều 376 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc tuyên bố bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1977 có nơi cư trú tại 7 P, phường Đ, TP . là người mất năng lực hành vi dân sự là có cơ sở, phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Tp . tại phiên họp nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị B phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà B đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0055177 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 70, 149, 361, 367, 369, 370, 371, 372, 376, 377, 378 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 22 Bộ luật dân sựăm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị B.

Tuyên bố bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1977 có nơi cư trú tại 7 P, phường Đ, TP . là người mất năng lực hành vi dân sự.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị B chịu lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0055177 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 5, Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh - Phòng THADS Khu vực 5;
- UBND Phường Đức Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thanh Thảo